

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-ST
Ngày 19-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Duyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Vân Thúy

Ông Vũ Hải Quân

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2018/TLST-HS, ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Phúc T, sinh ngày 31/10/1975; tại huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T và bà Đặng Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Có một tiền án. Ngày 15/11/2016 Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử về tội Trộm cắp tài sản, xử phạt 12 tháng tù theo bản án số: 65/2016/HS-ST; nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Cụ thể. Ngày 15/12/1999 bị cáo Nguyễn Phúc T bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử về tội Trộm cắp tài sản và xử phạt 18 tháng tù theo bản án số 30/HS-ST. Ngày 24/10/2001 bị cáo Nguyễn Phúc T bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử về tội Trộm cắp tài sản và xử phạt 02 năm tù theo bản án số 24/HS-ST. Ngày 10/12/2003 bị cáo Nguyễn Phúc T bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử về tội Trộm cắp tài sản và xử phạt 03 năm tù theo bản án số 35/HS-ST. Ngày 10/01/2008 bị cáo Nguyễn Phúc T bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử về tội Trộm cắp tài sản và xử phạt 03 năm tù theo bản án số 02/HS-ST; bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cao Lộc từ ngày 06/12/2017 đến nay “có mặt”.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1973; trú tại: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn “vắng mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Trịnh Kim H, sinh năm 1977; trú tại: Số 198, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn “vắng mặt”.

2. Anh Trần Văn H, sinh năm 1984; trú tại: Số nhà 163, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/12/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Cao Lộc nhận được đơn trình báo của chị Nguyễn Thị Q, sinh 1973, trú tại: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn về việc sáng ngày 22/11/2017 tại nơi ở bị mất trộm 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y31 màu đen cũ; 01 máy tính bảng IPAD AIR 16GB màu ghi cũ, yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật.

Qua rà soát các đối tượng nghi vấn trên địa bàn, xác định được đối tượng: Nguyễn Phúc T, sinh năm 1975, trú tại: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn có biểu hiện nghi vấn liên quan đến hoạt động tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn, khi tiến hành triệu tập lấy lời khai Nguyễn Phúc T thừa nhận có hành vi trộm cắp số tài sản trên.

Xác định có dấu hiệu tội phạm Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt tạm giam đối với Nguyễn Phúc T. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Phúc T khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 22/11/2017, Nguyễn Phúc T điều khiển xe mô tô đi trở khách (xe ôm) đến khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thấy nhà chị Nguyễn Thị Q không khóa cửa nên nảy sinh ý định vào nhà để trộm cắp tài sản, Nguyễn Phúc T liền đi vào trong nhà thấy 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y31 màu đen; 01 máy tính bảng IPAD AIR 16GB màu ghi để trên giường, Nguyễn Phúc T lấy cất giấu vào trong người đi ra khỏi nhà điều khiển xe máy đi xuống thành phố L vào cửa hàng mua bán điện thoại của chị Trịnh Kim H, đường T, phường H, thành phố L bán 01 máy tính bảng IPAD AIR 16GB giá 800.000đ cho chị Trịnh Kim H, sau đó quay về nhà. Đến ngày 25/11/2017 Nguyễn Phúc T đem bán 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y31 giá 500.000đ trên cho Trần Văn H là chủ cửa hàng sửa chữa điện thoại tại khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Số tiền bán chiếc điện thoại Vivo Y31 và chiếc máy tính bảng IPAD AIR 16GB Nguyễn Phúc T đem chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y31 màu đen đã qua sử dụng IMEI 869525023559012; 01 máy tính bảng IPAD AIR 16GB có số seri OMBLTFTGFK10; 01 chứng minh thư nhân dân số 080808881 mang tên Nguyễn Phúc T; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Phúc T; 01 xe mô tô nhãn hiệu

Yamaha Sirius màu sơn trắng xanh cũ, đã qua sử dụng, biển kiểm soát 12D1-209.47.

Kết luận định giá tài sản số 42/KL ngày 04/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cao Lộc kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y31; 01 máy tính bảng IPAD AIR 16GB. Tổng giá trị tài sản là 7.913.000đ (bảy triệu chín trăm mười ba nghìn đồng).

Xem xét đối tượng liên quan trong vụ án qua điều tra thấy: Trịnh Kim H, Trần Văn H không biết số tài sản trên là do Nguyễn Phúc T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Số vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y31 màu đen đã qua sử dụng IMEI 869525023559012; 01 máy tính bảng IPAD AIR 16GB có số seri OMBLTFTGFK10, ngày 17/01/2018 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại chị Nguyễn Thị Q. Số đồ vật tài sản còn lại được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc để giải quyết theo quy định pháp luật.

Về bồi thường dân sự: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc đã truy tố bị cáo Nguyễn Phúc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 (bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo) Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999) - Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phúc T phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc T từ 12 - 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vì bị cáo Nguyễn Phúc T không có nghề nghiệp và không có tài sản lớn có giá trị.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường, nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (khoản 3 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Phúc T 01 (một) chứng minh thư nhân dân số 080808881 mang tên Nguyễn Phúc T; 01 (một) đăng ký xe mô tô bản sao công chứng mang tên Nguyễn Phúc T; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn trắng xanh cũ đã qua sử dụng biển kiểm soát 12D1-209.47, số máy: E3T6E-012866, số khung: RLCUE1720FY003211. Tình trạng xe cũ đã qua sử dụng.

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.300.000đ đối với bị cáo Nguyễn Phúc T, đây là số tiền do phạm tội mà có.

Đối với các vật chứng khác đã xử lý, đề nghị Hội đồng xét xử xác nhận.

Bị cáo Nguyễn Phúc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Tại lời nói sau cùng bị cáo hối hận về hành vi của bản thân và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 22/11/2017, lợi dụng sự sơ hở của gia đình chị Nguyễn Thị Q ở khu V, thị trấn Đ, huyện C đi vắng không có ai ở nhà, bị cáo Nguyễn Phúc T đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y31 màu đen đã qua sử dụng IMEI 869525023559012; 01 máy tính bảng IPAD AIR 16GB có số seri OMBLTFK10. Có tổng giá trị tài sản là 7.913.000đ.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Nguyễn Phúc T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do vậy bị cáo có đủ khả năng để nhận thức việc thực hiện hành vi lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bản thân bị cáo đã nhiều lần trộm cắp tài và bị đưa ra xét xử, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Tài sản bị cáo trộm cắp có tổng giá trị là 7.913.000đ, nên hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Phúc T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là một trong những quyền quan trọng được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Phúc T cần phải xử lý nghiêm, nhằm răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc truy tố bị cáo Nguyễn Phúc T ra trước Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc theo tội danh và điều khoản trong Bộ luật Hình sự như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999). Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách

nhệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999).

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999). Vì ngày 27/8/2017 bị cáo mới chấp hành xong hình phạt một năm tù của Bản án số: 65/2016/HS-ST ngày 15-11-2016 chưa được xóa án tích, ngày 22/11/2017 bị cáo Nguyễn Phúc T lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án và trước đó đã bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử nhiều lần về tội Trộm cắp tài sản và đã được đương nhiên xóa án tích. Cụ thể: Ngày 15/12/1999 bị cáo Nguyễn Phúc T bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử về tội Trộm cắp tài sản và xử phạt 18 tháng tù theo bản án số 30/HS-ST. Ngày 24/10/2001 bị cáo Nguyễn Phúc T bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử về tội Trộm cắp tài sản và xử phạt 02 năm tù theo bản án số 24/HS-ST. Ngày 10/12/2003 bị cáo Nguyễn Phúc T bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử về tội Trộm cắp tài sản và xử phạt 03 năm tù theo bản án số 35/HS-ST. Ngày 10/01/2008 bị cáo Nguyễn Phúc T bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử về tội Trộm cắp tài sản và xử phạt 03 năm tù theo bản án số 02/HS-ST, nên xác định bị cáo có nhân thân xấu.

[7] Xét tính chất của vụ án và hậu quả của hành vi phạm tội; xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm cho toàn xã hội.

[8] Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bản kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản lớn có giá trị, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Phúc T phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[12] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Kim H và anh Trần Văn H đều vắng mặt và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì, nên Hội đồng xét xử cũng không đề cập giải quyết. Còn đối việc Trịnh Kim H, Trần Văn H mua điện thoại và máy tính bảng của bị cáo Nguyễn Phúc T, giữa Trịnh Kim H, Trần Văn H không có sự quen biết với bị cáo và cũng không biết số tài sản trên là do bị cáo Nguyễn Phúc T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý là phù hợp đúng quy định.

[13] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y31 màu đen đã qua sử dụng IMEI 869525023559012; 01 máy tính bảng IPA DAIR 16GB có số seri OMBLTFTGFK10 Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho bị hại, nên Hội đồng xét xử chỉ xác nhận; đối với 01 chứng minh thư nhân dân số 080808881 mang tên Nguyễn Phúc T; 01 đăng ký xe mô tô bản sao công chứng mang tên Nguyễn Phúc T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn trắng xanh cũ đã qua sử dụng, biển kiểm soát 12D1-209.47, số máy: E3T6E-012866, số khung: RLCUE1720FY003211, xác định đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Phúc T theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (khoản 3 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003).

Đối với số tiền bị cáo Nguyễn Phúc T bán chiếc điện thoại Vivo được 500.000đ và máy tính bảng được 800.000đ, tổng cộng là 1.300.000đ, xét thấy đây là số tiền do phạm tội mà có, nên cần truy thu để sung quỹ Nhà nước.

[14] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Phúc T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003); Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phúc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 06/12/2017.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Phúc T 01 chứng minh thư nhân dân số 080808881 mang tên Nguyễn Phúc T; 01 đăng ký xe mô tô bản sao công chứng mang tên Nguyễn Phúc T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn trắng xanh cũ đã qua sử dụng, biển kiểm soát 12D1-209.47, số máy: E3T6E-012866, số khung: RLCUE1720FY003211, đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến tội phạm.

Hiện các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/02/2018.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.300.000đ đối với bị cáo Nguyễn Phúc T, đây là số tiền do phạm tội mà có.

- Xác nhận Cơ quan điều tra Công an huyện Cao Lộc đã trả cho bị hại Nguyễn Thị Q 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y31 màu đen đã qua sử dụng IMEI 869525023559012; 01 máy tính bảng IPA DAIR 16GB có số seri OMBLTFTGFK10.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Phúc T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Đội Tổng hợp Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Bị cáo; bị hại; người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Duyên